

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số 794 ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)

- Tên chương trình: Thương mại điện tử (Electronic Commerce – E-Commerce)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Thương mại điện tử (E-commerce)
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Mã ngành đào tạo: 52.34.01.22
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Thương mại điện tử (Bachelor of E-commerce)
- Chủ nhiệm ngành:

### 1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo

Ngành thương mại điện tử (TMĐT) tại Việt Nam cho đến thời điểm này đã khẳng định vai trò đóng góp rất tích cực vào quá trình phát triển đất nước. Xu thế kinh doanh và quản lý trên nền tảng Internet và thiết bị công nghệ di động không ngừng phát triển. Tuy nhiên, nguồn nhân lực chính qui để xây dựng hạ tầng, điều hành quản lý và phát triển TMĐT tại Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Chính vì vậy, việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chính qui về TMĐT luôn được Chính phủ, các Bộ ngành, các trường đại học trong cả nước và xã hội quan tâm. Điều này đã được thể hiện qua nhiều nghị định, kế hoạch, chiến lược phát triển TMĐT cũng như đào tạo nguồn nhân lực chính qui được ban hành trong những năm qua. Bên cạnh đó, các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thường xuyên được tổ chức nhằm mục đích trao đổi và thống nhất về kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT của đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay thì nhu cầu ứng dụng và triển khai TMĐT vào quá trình kinh doanh, quản lý ngày càng tăng cao hơn nữa và chắc chắn điều đó sẽ mở ra nhiều cơ hội thành lập doanh nghiệp và các doanh nghiệp khác sẽ triển khai mạnh mẽ TMĐT vào trong quá trình kinh doanh, quản lý và đó cũng là cơ hội việc làm tốt cho sinh viên trong tương lai không xa.

Trong hai năm vừa qua, kể từ khi tuyển sinh chuyên ngành Thương mại điện tử vào năm 2014, bên cạnh việc đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật đã hoàn thiện xây dựng chương trình giáo dục ngành Thương mại điện tử theo tiếp cận CDIO. Trường đã có thêm bề dày kinh nghiệm trong đào tạo Thương mại điện tử, có thêm được một hệ thống các đối tác là doanh nghiệp, hiệp hội hỗ trợ trong đào tạo và tuyển dụng việc làm. Trường cũng đã tập trung đào tạo cán bộ giảng viên giảng dạy theo CDIO, tăng cường tuyển dụng giảng viên có học vị cao và có chuyên ngành liên quan. Tuy nhiên, cũng qua quá trình đào tạo chuyên ngành TMĐT này, Trường nhận thấy rằng, đào tạo theo hình thức chuyên ngành không thể đủ thời gian và điều kiện để có thể tập trung đào tạo một sinh viên chất lượng cao ngành Thương mại điện tử để đáp ứng tốt yêu cầu xã hội, đặc biệt giai đoạn hiện nay gia nhập cộng đồng kinh tế ASIAN và TPP đang có sự cạnh tranh khốc liệt về việc tuyển dụng việc làm tại các công ty lớn, công ty đa quốc gia cho sinh viên ngành TMĐT.

Để đáp ứng nhu cầu cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực chính quy TMĐT, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM đã xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo ngành TMĐT bậc đại học hệ chính quy (hồ sơ mở ngành đính kèm). Đồng thời, cùng với thế mạnh trong lĩnh vực kinh tế, luật, kinh doanh và hệ thống thông tin quản lý - một thế mạnh liên ngành chính là nền tảng và điều kiện tốt cho việc đào tạo ngành TMĐT và điều đó cũng có thể khẳng định ngành đào tạo này sẽ trở thành điểm nhấn trong hệ thống đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Luật nói riêng và trong ĐHQG-HCM nói chung.

Với những lý do trình bày trên cùng với những nội dung đã được thuyết minh chi tiết trong Hồ sơ mở ngành, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM kính đề nghị Ban Giám đốc ĐHQG-HCM, Ban Đại học & Sau đại học và Ban Kế hoạch – Tài chính,

ĐHQG-HCM xét duyệt và đồng ý cho Trường Đại học Kinh tế - Luật mở ngành đào tạo TMĐT bậc đại học hệ chính quy theo hệ tín chỉ.

## **2. Mục tiêu đào tạo**

### **2.1 Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về lĩnh vực thương mại điện tử; có chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; cung cấp nguồn nhân lực thương mại điện tử chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong thời đại mới.

### **2.2 Mục tiêu cụ thể**

*Mục tiêu I:* Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững nghiệp vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

*Mục tiêu II:* Đào tạo đội ngũ quản lý và có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

*Mục tiêu III:* Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong việc tổ chức, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại điện tử.

*Mục tiêu IV:* Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

### **2.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)**

| <b>Chuẩn đầu ra chương trình</b>                                 | <b>Ghi chú</b> |
|------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1 CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b>      |                |
| <b>1.1 CÓ KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TMĐT</b> |                |
| 1.1.1 Toán học                                                   |                |
| 1.1.2 Tin học                                                    |                |
| 1.1.3 Kinh tế                                                    |                |
| 1.1.4 Pháp luật                                                  |                |

|                                                                          |  |
|--------------------------------------------------------------------------|--|
| 1.1.5 Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý                             |  |
| <b>1.2 CÓ KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TMĐT</b>                                 |  |
| 1.2.1 Kỹ thuật lập trình                                                 |  |
| 1.2.2 Phân tích thiết kế hệ thống                                        |  |
| 1.2.3 Hạ tầng và an toàn Thương mại điện tử                              |  |
| 1.2.4 Quản trị                                                           |  |
| 1.2.5 Hệ thống thông tin                                                 |  |
| 1.2.6 quản lý chuỗi cung ứng                                             |  |
| 1.2.7 Thương mại điện tử                                                 |  |
| 1.2.8 Marketing                                                          |  |
| 1.2.9 Kế toán – Tài chính                                                |  |
| <b>1.3 CÓ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>                                     |  |
| 1.3.1 Thanh toán điện tử                                                 |  |
| 1.3.2 Pháp luật TMĐT                                                     |  |
| 1.3.3 Marketing điện tử                                                  |  |
| 1.3.4 Quản trị TMĐT                                                      |  |
| 1.3.5 Quản lý dữ liệu                                                    |  |
| 1.3.6 Công cụ thương mại điện tử                                         |  |
| 1.3.7 M- Commerce                                                        |  |
| 1.3.8 Chiến lược Thương mại điện tử                                      |  |
| <b>2 KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>                       |  |
| <b>2.1 CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TMĐT</b>     |  |
| 2.1.1 Xác định và trình bày chính xác các vấn đề TMĐT                    |  |
| 2.1.2 Mô hình hoá                                                        |  |
| 2.1.3 Ước lượng và phân tích                                             |  |
| 2.1.4 Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị) |  |
| <b>2.2 CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC</b>       |  |

|       |                                                                    |  |
|-------|--------------------------------------------------------------------|--|
| 2.2.1 | Định hình giả thuyết (nêu giả thuyết)                              |  |
| 2.2.2 | Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử (hoặc Khảo sát dữ liệu) |  |
| 2.2.3 | Có khả năng sử dụng công cụ tin học để giải quyết vấn đề TMĐT      |  |
| 2.2.4 | Tiến hành thử nghiệm                                               |  |
| 2.2.5 | Phân tích dữ liệu                                                  |  |
| 2.2.6 | Kiểm định giả thuyết, bảo vệ luận điểm                             |  |
| 2.3   | <b>CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG</b>                             |  |
| 2.3.1 | Hiểu những kiến thức cơ bản và phương pháp của tư duy hệ thống     |  |
| 2.3.2 | Áp dụng tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề                       |  |
| 2.3.3 | Đánh giá và cân bằng trong giải quyết                              |  |
| 2.4   | <b>CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP</b>      |  |
| 2.4.1 | Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro                  |  |
| 2.4.2 | Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt             |  |
| 2.4.3 | Tư duy sáng tạo                                                    |  |
| 2.4.4 | Tư duy suy xét                                                     |  |
| 2.4.5 | Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức      |  |
| 2.4.6 | Học tập và rèn luyện suốt đời                                      |  |
| 2.4.7 | Quản lí thời gian và nguồn lực                                     |  |
| 2.5   | <b>ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC</b>                  |  |
| 2.5.1 | Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội           |  |
| 2.5.2 | Hành xử chuyên nghiệp                                              |  |
| 2.5.3 | Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống                          |  |
| 2.5.4 | Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh          |  |
| 2.5.5 | Chấp nhận sự khác biệt và công bằng                                |  |
| 2.5.6 | Tin cậy và gắn bó với tổ chức                                      |  |
| 3     | <b>LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>                                  |  |
| 3.1   | <b>LÀM VIỆC NHÓM</b>                                               |  |

|       |                                                                                                                 |  |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 3.1.1 | Hình thành nhóm hiệu quả                                                                                        |  |
| 3.1.2 | Hoạt động nhóm                                                                                                  |  |
| 3.1.3 | Phát triển nhóm                                                                                                 |  |
| 3.1.4 | Lãnh đạo nhóm                                                                                                   |  |
| 3.1.5 | Làm việc với các loại nhóm khác nhau                                                                            |  |
| 3.2   | <b>GIAO TIẾP</b>                                                                                                |  |
| 3.2.1 | Lựa chọn chiến lược giao tiếp                                                                                   |  |
| 3.2.2 | Lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp                                                                            |  |
| 3.2.3 | Giao tiếp bằng văn bản                                                                                          |  |
| 3.2.4 | Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông                                                  |  |
| 3.2.5 | Giao tiếp bằng đồ họa                                                                                           |  |
| 3.2.6 | Thuyết trình                                                                                                    |  |
| 3.2.7 | Hỏi, nghe và đối thoại                                                                                          |  |
| 3.2.8 | Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột                                                                      |  |
| 3.3   | <b>GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ</b>                                                                                 |  |
| 3.3.1 | Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)     |  |
| 4     | <b>NĂNG LỰC THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG DOANH NGHIỆP TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC</b> |  |
| 4.1   | <b>NHẬN THỨC VỀ BỐI CẢNH TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC</b>                                                           |  |
| 4.1.1 | Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm cử nhân ngành TMĐT                                                               |  |
| 4.1.2 | Hiểu được những tác động của TMĐT với xã hội và môi trường                                                      |  |
| 4.1.3 | Hiểu được các yêu cầu của xã hội đối với TMĐT                                                                   |  |
| 4.1.4 | Nắm bắt các vấn đề và giá trị đương đại                                                                         |  |
| 4.1.5 | Phát triển một quan điểm toàn cầu (tmdt (2), chiến lược tmdt...)                                                |  |
| 4.2   | <b>BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP TMĐT</b>                                                                               |  |
| 4.2.1 | biết được sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp                                                                       |  |

|       |                                                                    |  |
|-------|--------------------------------------------------------------------|--|
| 4.2.2 | Xác định chiến lược, mục tiêu, và kế hoạch kinh doanh              |  |
| 4.2.3 | nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua TMĐT                         |  |
| 4.3   | HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                              |  |
| 4.3.1 | Xây dựng nhu cầu và thiết lập các mục tiêu                         |  |
| 4.3.2 | Xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc                         |  |
| 4.3.3 | Mô hình hoá dự án TMĐT                                             |  |
| 4.3.4 | Quản lý phát triển dự án TMĐT                                      |  |
| 4.4   | THIẾT KẾ                                                           |  |
| 4.4.1 | Phác thảo kế hoạch thực hiện                                       |  |
| 4.4.2 | Lập kế hoạch xây dựng hạ tầng (phần cứng phần mềm, giải pháp)      |  |
| 4.4.3 | Lập giải pháp tích hợp phần cứng và phần mềm                       |  |
| 4.4.4 | Lập kế hoạch kiểm tra, xác nhận, đánh giá và kiểm định             |  |
| 4.4.5 | Lập kế hoạch quản lý vận hành                                      |  |
| 4.5   | THỰC HIỆN                                                          |  |
| 4.5.1 | Thiết kế quy trình thực hiện                                       |  |
| 4.5.2 | Tích hợp phần cứng, mềm                                            |  |
| 4.5.3 | Thử nghiệm, kiểm tra, phê chuẩn, chứng nhận                        |  |
| 4.5.4 | Quản lý quá trình thực hiện                                        |  |
| 4.6   | VẬN HÀNH                                                           |  |
| 4.6.1 | Thiết kế và tối ưu hóa vận hành bền vững và an toàn                |  |
| 4.6.2 | Lên kế hoạch đào tạo và thủ tục thực hiện (Huấn luyện và vận hành) |  |
| 4.6.3 | Quản lý vòng đời của hệ thống                                      |  |
| 4.6.4 | Hỗ trợ phát triển và bảo trì hệ thống                              |  |

### 3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ